TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AA** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **508**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2023
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AA - TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh.

2. Ông Lê Văn Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa*: Bà **Trần Ngọc Hà** - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Cô **Đàm Thị Ngọc Ánh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 343/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/7/2023 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 107/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Trần Thị N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Trần Tấn Đ**,** sinh năm 1999.

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị N, vắng mặt anh Đ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 16/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn* Trần Thị N *trình bày*:

Chị và anh Trần Tấn Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 31/5/2022. Thời

gian đầu sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2023 cho đến nay thì đôi bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thể hòa hợp. Anh chị đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn tình cảm, nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* *Bị đơn anh* Trần Tấn Đ1 *vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù anh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ.*

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị N vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện đối với anh Đ1.

Anh Đ1 vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến: *Về phần thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định đối với bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Tấn Đ mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham dự phiên tòa, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp "*Ly hôn*".

[3] Về hôn nhân:

Chị Trần Thị N và anh Trần Tấn Đ xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77 vào ngày 31/5/2022.

Tại phiên tòa, chị N trình bày nguyên nhân xin ly hôn với anh Đ là do anh Đ không biết lo cho gia đình, không quan tâm đến chị. Chị làm công nhân hay tăng ca về

muộn, anh Đ cứ lo chơi "game" điện tử bằng điện thoại không hỏi thăm gì về chị. Sự việc này kéo dài gần 01 năm, chị cũng không có bất cứ lời khuyên gì đối với anh Đ. Khi không thể chung sống với nhau, từ mùng 04/01/2023 chị dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay; từ đó đến nay, anh Đ không hề liên lạc gì với chị. Anh còn yêu cầu chị trả lại cho anh 15 chỉ vàng cưới. Tại phiên tòa chị kiên quyết xin được ly hôn với anh Đ, vì cả hai có rất nhiều bất đồng trong cuộc sống.

Về phía anh Đ, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, nhưng anh nhiều lần vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi văn bản phản hồi đối với các yêu cầu khởi kiện của chị N. Điều đó cho thấy, anh Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị N.

Tại biên bản xác minh ngày 01/8/2023 (bút lục 15), nội dung thể hiện anh Đ và chị N đã ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin được ly hôn anh Đ của chị N là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N trình bày không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: Theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trần Tấn Đ.

- Về con chung: Không có.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không xem xét.

2/ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021977 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị N đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3/ Q kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. AA;
- Chi cục THADS H. AA;
- UBND xã Hữu Đạo, H. AA;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HUỲNH THỊ TRÚC MAI